



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # 248984

VEWL.# NO

I-171 : Yes ☒ No

EXIT VISA: Yes ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

HÀ  
Last

THÂN  
Middle

MẾN  
First

Current Address 32 TIÊU-LÀNG, TAM-KỲ CITY, QUANGNAM DANANG, VIETNAM

Date of Birth 10-07-1944 Place of Birth QUANGNAM, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) SUB-LIEUTENANT, JUSTICE INVESTIGATE  
(Rank & Position) SECTION CHIEF, NATIONAL POLICE.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 03/07/1975 To 11/20/1981

3. SPONSOR'S NAME:

THÂN, NINH  
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

THÂN, NINH,

UNCLE

ALOHA, OR 97106

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 11/20/1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HÀ, THÂN, NÊN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NGUYỄN, THỊ HAI                          | 04/12/1949    | WIFE                |
| HÀ, THU THỦY                             | 02/03/1970    | DAUGHTER            |
| HÀ, QUỐC - DUNG                          | 01/15/1973    | SON                 |
| HÀ, MỸ - UYÊN                            | 10/02/1974    | DAUGHTER            |
| HÀ, QUỐC CƯỜNG                           | 07/17/1983    | SON                 |
| HÀ, YÊN NHI                              | 10/14/1985    | DAUGHTER            |
| THÂN, THỊ SẮC                            | 07/14/1991    | MOTHER              |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

N/A

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 248984

VEWL.#: NO

I-171#: Y ☒ NO

EXIT VISA#: Y NO

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HÀ THÂN MÊN  
Last Middle First

Current Address: 32 TIÊU-LA ST, TAM-KY CITY, QUANGNAM DANANG, VIETNAM

Date of Birth: 10-07-1944 Place of Birth: QUANG NAM, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) SUB. LIEUTENANT, JUSTICE INVESTIGATE  
(Rank & Position) SECTION CHIEF, NATIONAL POLICE

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 03-07-1975 To 11-20-1981  
Years: 06 Months: 06 Days: 13

3. SPONSOR'S NAME: THÂN, MINH  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>THÂN, MINH</u>                           | <u>UNCLE</u>        |
|                                             |                     |
|                                             |                     |
|                                             |                     |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 11-20-1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HÀ, THÂN MIÊN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA |
|------------------------------------------|---------------|--------------------|
| NGUYEN, THI HAI                          | 04-12-1949    | WIFE               |
| HÀ, THU THUY                             | 02-03-1970    | DAUGHTER           |
| HÀ, QUỐC DUNG                            | 01-15-1973    | SON                |
| HÀ, MỸ-UYÊN                              | 10-02-1974    | DAUGHTER           |
| HÀ, QUỐC CƯỜNG                           | 07-17-1983    | SON                |
| HÀ, YẾN NHI                              | 10-14-1985    | DAUGHTER           |
| THÂN, THI SẮC                            | 07-14-1921    | MOTHER             |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

N/A

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HÀ THÂN MẾN  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : 10 07 1944  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): ✓  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : 32 TIEU LA ST, TAM KY CITY, QUANG NAM DANANG  
(Dia chi tai Viet-Nam) VIETNAM  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co): From (Tu): 03/07/1975 To (Den): 11/20/1981  
PLACE OF RE-EDUCATION: TIEN LANH, QUANG NAM - DANANG  
CAMP (Trai tu)  
PROFESSION (Nghe nghiep): SUB-LIEUTENANT, JUSTICE INVESTIGATE SECTION  
CHIEF, NATIONAL POLICE.  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N/A  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): \_\_\_\_\_  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_  
Date (nam): \_\_\_\_\_  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓  
IV Number (So ho so): 248984  
No (Khong): \_\_\_\_\_  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 07  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 32 TIEU LA ST, TAM KY CITY  
QUANG NAM - DANANG, VIETNAM  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
THÂN, NINH  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): \_\_\_\_\_ No (Khong): ✓  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): UNCLE  
NAME & SIGNATURE: THÂN, NINH [Signature]  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) \_\_\_\_\_  
ALOHA, OR 97006  
DATE: 11 20 1989  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

HÀ, THÂN MẾN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NGUYỄN, THỊ HẢI                          | 04/12/1949    | WIFE                |
| HÀ, THU THỦY                             | 02/03/1970    | DAUGHTER            |
| HÀ, QUỐC DUNG                            | 01/15/1973    | SON                 |
| HÀ, MỸ - UYÊN                            | 10/02/1974    | DAUGHTER            |
| HÀ, QUỐC - CƯỜNG                         | 07/17/1983    | SON                 |
| HÀ YẾN NHÌ                               | 10/14/1985    | DAUGHTER            |
| THÂN, THỊ - SẮC                          | 07/14/1921    | MOTHER              |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

N/A

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HÀ THÂN MẾN  
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
 DATE, PLACE OF BIRTH : 10 07 1944  
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): V Female (Nu): \_\_\_\_\_  
 MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): V  
 (Tinh trang gia dinh):  
 ADDRESS IN VIETNAM : 32 TIEU LA ST, TAM KY CITY, QUANGNAM, DANANG  
 (Dia chi tai Viet-Nam) VIETNAM  
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) V No (Khong) \_\_\_\_\_  
 If Yes (Neu co): From (Tu): 03/07/1975 To (Den): 11/20/1981  
 PLACE OF RE-EDUCATION: TIEN LAM, QUANGNAM DANANG  
 CAMP (Trai tu)  
 PROFESSION (Nghe nghiep): SUB-LIEUTENANT, JUSTICE INVESTIGATE SECTION  
CHIEF, NATIONAL POLICE  
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N/A  
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): \_\_\_\_\_  
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_  
 Date (nam): \_\_\_\_\_  
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): V  
 IV Number (So ho so): 248984  
 No (Khong): \_\_\_\_\_  
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 07  
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 32 TIEU LA ST, TAM KY CITY  
QUANGNAM DANANG, VIETNAM  
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
THÂN, NINH  
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): \_\_\_\_\_ No (Khong): V  
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): UNCLE  
 NAME & SIGNATURE: THÂN, NINH [Signature]  
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) \_\_\_\_\_  
ALOHA, OR 97006  
 DATE: 11 20 1989  
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HA, THAN MEN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA |
|------------------------------------------|---------------|--------------------|
| NGUYEN, THI HAI                          | 04/12/1949    | WIFE               |
| HA, THU THUY                             | 02/03/1970    | DAUGHTER           |
| HA, QUOC DUNG                            | 01/15/1973    | SON                |
| HA, MY UYEN                              | 10/02/1974    | DAUGHTER           |
| HA, QUOC CUONG                           | 07/17/1983    | SON                |
| HA, YEN NHI                              | 10/14/1985    | DAUGHTER           |
| THAN, THI SAC                            | 07/14/1921    | MOTHER             |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |
|                                          |               |                    |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

N/A

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ NO \_\_\_\_\_

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HA THAN MEN  
Last Middle First

Current Address: 32 Truân La St. Tam Kỳ Quận Nam Đà Nẵng

Date of Birth: 10/07/44 Place of Birth: Đà Nẵng

Previous Occupation (before 1975) Sub Lt - (Police)  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/07/75 To 11/81  
Years: 7 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>Thân, Ninh</u>                           | _____               |
| <u>Aloha OR. 97006</u>                      | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

---



---

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER  
IN VIETNAM

**I. Basic information on Applicant in Vietnam**

1. Full name of Ex. PP : **HÀ THÂN - MẾN**
2. Date and Place of birth : **07-10-1944.**  
**Điền Bân, Quang Nam Đà Nẵng**
3. Position before 4-1975 :  
 - Rank : **Sub-Lieutenant**  
 - Function : **Justice investigate Section Chief,**  
**The Police Headquarter of Province Quang Tin**
4. Prisoners serial number : **123000**
5. Date Arrested : **7-5-1975**
6. Date out of camp : **28-11-1981**
7. Date and release certificate number : **1038/RT 20-10-1981**
8. Present mailing address :  
**32 Trieu La street Tam Ky - Quang Nam Đà Nẵng**
9. Current Address ,  
**32 Trieu La street Tam Ky - Quang Nam Đà Nẵng.**

**II - List of Full name date and Place of birth of P.P. immediate Family :**

**A- Relative to accompany with Ex-P.P. to be consisted for US country**

| NAME              | Date of birth | Place of birth | Sex  | Relationship |
|-------------------|---------------|----------------|------|--------------|
| 1- NGUYEN THI-HAI | 12-4-1949     | Tam Ky         | Fem  | Wife         |
| 2- HA THU THUY    | 3-2-1970      | -              | -    | Daughter     |
| 3- HA QUOC DUNG   | 15-1-1973     | -              | Male | Son          |
| 4- HA MY UYEN     | 2-10-1974     | -              | Fem  | Daughter     |
| 5- HA QUOC CUONG  | 17-6-1983     | -              | Male | Son          |
| 6- HA YEN NHI     | 14-10-1985    | -              | Fem  | Daughter     |
| 7- THÂN THI-SẮC   | 1921          | -              | -    | Mother.      |

**B- Complete Family listing (Living, dead) of Ex-P.P.**

1. Father : **HA PHUNG (Dead)** **Quang Nam Đà Nẵng**
2. Mother { **See III.A.**
3. Children {

**III - Relatives outside of Vietnam:**

| NAME             | Relationship | Address                |
|------------------|--------------|------------------------|
| <b>THÂN-NINH</b> | <b>Uncle</b> | <b>ALOHA, OR 97006</b> |

**IV Have you submitted of application for Family Reunification**

v. Comments, Remarks:

- a. Some more information concerning the applicant
- To graduate the THUC School Officer Police, Cours: 5/71
  - Cours 1973 Justice Investigate
  - Cours 1972 Supplies of Army Corps.
- b. I have sent my document to CDP Bangkok Thailand.  
( Poste returned receipt: 19.9-1988)
- c. Visitor.

Due to the difficulty of Family Situation, I wish to be able to go to USA with my whole family under the Sponsorship of the US government.

In case my request is considered favorably, please send me a letter of introduction on to Vietnamese authorities so I can apply for exit permits.

II - Documents attached to this questionnaire:

\* Photocopies:

- |                              |      |
|------------------------------|------|
| 1 - Release Certificate      | = 01 |
| 2 - Identity card            | = 04 |
| 3 - Birth Certificate        | = 04 |
| 4 - Our Marriage Certificate | = 01 |
| 5 - Photographs              | = 08 |

Signature:

Lê Văn Li

HA THANH MÊ

Family - Gao My Nam Hanoi  
October - 25<sup>th</sup> 1988

GRACE AND FAVOR

4-11-68

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 2002A0548

Họ tên HÀ THÂN MẾN



Sinh ngày 07-10-1944

Nguyên quận Điện an, Điện  
ban, Quang nam-Đa năng.

Nơi thường trú 679 Phan chu  
trình, Tam kỳ, Q. nam-Đ. năng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 200279139

Họ tên: NGUYỄN THỊ HẢI

Sinh ngày: 12-4-1949

Nguyên quán: Hòa cường,

Thành phố Đà Nẵng.

Nơi thường trú: 65/7 Phan chu

trình, Thị xã T.kỳ, QN-ĐN



Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo:

Không.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3cm  
trên, sau, cánh mũi  
phải.

Ngày 09 tháng 01 năm 1979

KIỂM ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TÝ

*Thao*

*Le Văn Khoa*

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Y CHỨNG MINH NHÂN DÂN

ố: 200714410

en: **THÂN THỊ SẮC**



Sinh ngày: **14-7-1921**

Nguyên quán: **Điện An, Điện Bàn**  
**Quảng Nam-Đà Nẵng**

Nơi thường trú: **Điện An, Điện**  
**Bàn, Quảng Nam-Đà Nẵng**

Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT TRÁI: HOẶC DI HÌNH

Số tròn 0cm3 C.3cm  
trở sau mặt trái,

27 tháng 12 năm 1979

KI/GIAO ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN  
ĐHQ TRƯỞNG TỶ

NGON TRỎ TRÁI

NGON TRỎ TRÁI

*Nguyễn Rã*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số ~~200984112~~

Họ tên ~~HÀ THU THỦY~~

Sinh ngày ~~03-2-1970~~

Nguyên quán ~~Điện An, diện b~~  
~~ban, Qnam, Đnă~~

Nơi thường trú ~~An Mỹ, thị xã~~  
~~tam kỳ, Qnam-Đnă~~



Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm C, 3cm trên  
sau đuôi mắt trái

Ngày 10 / 10 năm 1985

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

  
Trần Văn Hùng

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

TỈNH Lương Tỉnh  
QUẬN Tam Kỳ  
XÃ Tam Kỳ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

# TRÍCH LƯỢC

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Số hiệu 54



Tên họ người chồng HÀ - TIẾN - NIÊN

Nghề nghiệp Công chức

Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1944

Tại Xã Vĩnh Hòa, Quận Bến Lức, Tỉnh Long An

Cư sở tại Xã Vĩnh Hòa, Quận Bến Lức, Tỉnh Long An

Tạm trú tại Đoàn 465 Trường Pháo, Khu Trại Tam Kỳ

Tên họ cha chồng (sống chết phải nói) Hà Phụng (c)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Trần Thị Tài (s)

Tên họ người vợ Nguyễn Thị Hài

Nghề nghiệp Nhà Nô

Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1944

Tại Xã Tam Kỳ, Quận Tam Kỳ, Tỉnh Long An

Cư sở tại Xã Tam Kỳ, Quận Tam Kỳ, Tỉnh Long An

Tạm trú tại Đoàn 465 Trường Pháo, Khu Trại Tam Kỳ

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) Nguyễn Văn (c)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nguyễn Thị Tài (s)

Ngày cưới 23 tháng 4 năm 1970

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khê Không

Ngày 08 tháng 4 năm 1970

Tại Xã Tam Kỳ, Quận Tam Kỳ, Tỉnh Long An

Trích y Bản Chính

KIẾN - THỊ

Tam Kỳ, ngày 28 tháng 4 năm 1970

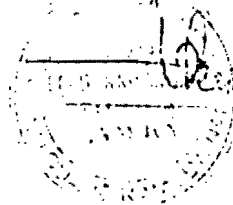
X. X. TRƯỞNG X. TAM KỲ

Tam Kỳ, ngày 28 tháng 4 năm 1970

Viên chức Hộ-lich

Số .....  
Quyển số .....

Deard



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH QUẢNG-TĨNH

XÃ Tam Kỳ

# Chứng-Thư Khai-Sinh

SỐ HIỆU 1130

Tên họ đứa trẻ HÀ-HỮ-UYÊN trai hay gái gái  
Binh ngày 01 (02) tháng thời (10)  
năm một ngàn chín trăm bảy mươi hồi Năm giờ  
Tại Xã Tam Kỳ Quận Tam Kỳ Tỉnh Quảng-Tĩnh  
Họ và tên cha đứa trẻ HÀ-THÂN-LÊN tuổi 1944 nghề Công-chức  
Trú quán tại Ấp Hòa-an, xã Tam-kỳ, quận Tam-kỳ, tỉnh Quảng-Tĩnh  
Họ và tên mẹ đứa trẻ NGUYỄN-THỊ-CHÁU tuổi 1949 nghề Nội trợ  
Trú quán tại Ấp Hòa-an, xã Tam-kỳ, quận Tam-kỳ, tỉnh Quảng-Tĩnh  
chứng thư giá thú của cha mẹ đứa trẻ số 2  
Lập tại Tam-kỳ ngày 20 tháng 11 năm 1970  
Họ và tên cha đứa trẻ HÀ-THÂN-LÊN khai nhận  
đứa trẻ này là con tự sinh.

## NGƯỜI KHAI:

Họ và tên HÀ-THÂN-LÊN tuổi 1944 nghề Công-chức  
Trú quán tại Ấp Hòa-an, xã Tam-kỳ, quận Tam-kỳ, Quảng-Tĩnh

## CÁC NHÂN CHỨNG:

1— Họ và tên Chứng sinh số tuổi 347 nghề ngày 11-10-74  
Trú quán tại cửa Chi-Y-tế Tam-kỳ cấp.  
2— Họ và tên \_\_\_\_\_ tuổi \_\_\_\_\_ nghề \_\_\_\_\_  
Trú quán tại \_\_\_\_\_

Lập tại Tam-kỳ ngày 20 tháng 11 năm 1970  
Người khai, Hồ lại, Nhân chứng,

(Ký tên HÀ-THÂN-LÊN) **PHUNG TRÍCH-LỤC** Chứng-sinh số 347 cấp ngày  
10-10-74 của Chi-Y-tế Tam-kỳ  
VIỆN HỘ TỊCH XÃ PHÁT-TRIỂN TAM-K.

PHAN-NGỌC-CHẤN

Xã, thị trấn: Tam KỳThị xã, quận: Tam KỳThành phố, tỉnh: Quảng Nam

## GIẤY KHAI SINH

Số 444Quyển số 2

|                                                                                     |                                                                                                                                                               |                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Họ và tên                                                                           | <u>Hà Quốc Cường</u>                                                                                                                                          | Nam, Nữ <u>Nam</u>                      |
| Sinh ngày tháng, năm                                                                | <u>Ngày Mười bảy Tháng Bảy năm 1983</u><br><u>17 7 1983</u>                                                                                                   |                                         |
| Nơi sinh                                                                            | <u>Trại học phổ thông Thị xã Tam Kỳ, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng</u>                                                                                 |                                         |
| Khai về cha, mẹ                                                                     | CHA                                                                                                                                                           | MẸ                                      |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                          | <u>Hà Thân Mến</u><br><u>39 tuổi</u>                                                                                                                          | <u>Nguyễn Thị Hảo</u><br><u>36 tuổi</u> |
| Dân tộc                                                                             | <u>Kinh</u>                                                                                                                                                   | <u>Kinh</u>                             |
| Quốc tịch                                                                           | <u>Việt Nam</u>                                                                                                                                               | <u>Việt Nam</u>                         |
| Nghề nghiệp                                                                         | <u>Cán bộ văn phòng, học sinh</u>                                                                                                                             | <u>Buôn bán</u>                         |
| Nơi ĐKKK thường trú                                                                 | <u>Trại học phổ thông Thị xã Tam Kỳ</u>                                                                                                                       | <u>Trại học phổ thông Thị xã Tam Kỳ</u> |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai | <u>Hà Thân Mến, 39 tuổi, Trại học phổ thông Thị xã Tam Kỳ, huyện Tam Kỳ, Quảng Nam</u><br><u>Giấy CMND số 200848541 cấp ngày 11.1.1983 tại Ủy ban An ninh</u> |                                         |

Đăng ký ngày 15 tháng 8 năm 1983TM/UBND Thị xã Tam Kỳ ký tên, đóng dấu

(Chức vụ họ, tên chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, Thị trấn Phước An Mỹ  
Thị xã, Huyện Tam Kỳ  
Thành phố, Tỉnh Đ. N. Đ. N.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU HT2/P2  
Số: 255  
Quận số: 51

## GIẤY KHAI SINH

|                                                                                                                  |                                                                                                                      |                                                                           |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                                        | <u>HÀ YÊN NHÌ</u>                                                                                                    |                                                                           | Nam, nữ <u>Nữ</u> |
| Sinh ngày, tháng năm                                                                                             | <u>Mười bốn Tháng mười năm Một ngàn chín trăm tám mươi lăm</u>                                                       |                                                                           |                   |
| Nơi sinh                                                                                                         | <u>Phước An Mỹ, Thị xã Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng</u>                                                            |                                                                           |                   |
| Khai về cha, mẹ                                                                                                  | CHA                                                                                                                  | MẸ                                                                        |                   |
| Họ, tên, tuổi, (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                                                      | <u>Hà Thân Mến</u><br><u>41 tuổi</u>                                                                                 | <u>Nguyễn Thị Hòa</u><br><u>38 tuổi</u>                                   |                   |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                                             | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                                                                                       | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                                            |                   |
| Nghề nghiệp, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú                                                                    | <u>Xã thôn HTX TCN</u><br><u>Tổ 6 Phước An Mỹ</u><br><u>Thị xã Tam Kỳ</u>                                            | <u>Xã thôn HTX TCN</u><br><u>Tổ 6 Phước An Mỹ</u><br><u>Thị xã Tam Kỳ</u> |                   |
| Họ, tên, tuổi, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, số giấy chứng minh hoặc chứng nhận căn cước của người đăng khai | <u>Hà Thân Mến, 41 tuổi, Tổ 6 Dân phố Phước An Mỹ, Thị xã Tam Kỳ</u><br><u>CMND 88 202 8105 41 cấp ngày 11/10/83</u> |                                                                           |                   |

NGƯỜI KHAI

(Ký tên)

Lưu An

Hà Thân Mến

Đăng ký ngày 28 tháng 10 năm 1985

TM. UBND Phước An Mỹ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Văn Hòa  
28/10/85

Nguyễn Văn Hòa

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER  
IN VIET NAM

**I. Basic information on Applicant in VIETNAM**

1. Full name of Ex-PP : HÃ THÂN - MẾN
2. Date and Place of birth : 07-10-1944.  
Điền Bân, Quang Nam Đă Nẵng
3. Position before 4-1975 :  
- Rank : Sub-Lieutenant  
- Function : Justice investigate Section Chief,  
The Police Headquarter of Province Quang Tin
- 4 - Prisoner's serial number : 123005
- 5 - Date Arrested : 7-5-1975
- 6 - Date out of camp : 28-11-1981
- 7 - Date and release certificate number: 1038/ART 20-10-1981
- 8 - Present mailing address :  
32 Tieu La street Tam Ky - Quang Nam Đă Nẵng
- 9 - Current Address ,  
32 Tieu La street Tam Ky - Quang Nam Đă Nẵng.

**II - List of Full name date and Place of birth of P.P. immediate family :**

**A - Relative to accompany with Ex-P.P. to be consisted for US country**

| NAME              | Date of birth | Place of birth | Sex | Relationship |
|-------------------|---------------|----------------|-----|--------------|
| 1- NGUYEN THI-HAI | 12-4-1949     | Tam Ky         | Fem | Wife         |
| 2- HA THU THUY    | 3-2-1970      | -              | -   | Daughter     |
| 3- HA QUOC DUNG   | 15-1-1973     | -              | Mas | Son          |
| 4- HA MY LYEN     | 2-10-1974     | -              | Fem | Daughter     |
| 5- HA QUOC CUONG  | 17-6-1983     | -              | Mas | Son          |
| 6- HA YEN NHI     | 14-10-1985    | -              | Fem | Daughter     |
| 7- THÂN THI SẮC   | 1921          | -              | -   | Mother.      |

**B. Complete Family listing (living, dead) of Ex-P.P.**

1. Father : HA PHUNG (Dead) Quang Nam Đă Nẵng
2. Mother { See II.A.
3. Children {

**III - Relatives outside of Vietnam:**

| NAME        | Relationship | Address                |
|-------------|--------------|------------------------|
| THÂN - NINH | uncle        | <b>ALOHA, OR 97006</b> |

**IV Have you submitted of application for Family Reunification until now ?**

I am not in this case, My whole family are living now in Viet Nam.

v. Comments, Remarks:

- a- Some more information concerning the applicant.
- To graduate the THƯỞNG School Officer Police, Course: 07/1
  - Course 1973 Justice Investigate
  - Course 1972 Supplies of Army Corps.
- b- I have sent my document to CDP Bangkok Thailand.  
(Poste returned receipt: 19.9.1988)

c- Wish:

Due to the difficulty of Family Situation, I wish to be able to go to USA with my whole family under the sponsorship of the US government.

In case my request is considered favorably, please send me a letter of introduction on to Vietnamese authorities so I can apply for exit permits.

II - Documents attached to this questionnaire:

\* Photocopies:

- |                             |      |
|-----------------------------|------|
| 1- Release Certificate      | = 01 |
| 2- Identity card            | = 04 |
| 3- Birth Certificate        | = 04 |
| 4- Our Marriage Certificate | = 01 |
| 5- Photographs              | = 08 |

Signature:

*Lên*

HA THÂN MÊN

Family - George Nam Hân

October - 25th 1988

Điêng Lữ - Đ. Thanh Phong

לְהַחֲזִיק בְּכָל הַיּוֹם

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội Vụ số 17/ Ngày 02 tháng 7 năm 1977 và Quyết định số 316/TTg Ngày 22/3/77 của Thủ Tướng Chính Phủ .  
 (Mô hình). Quyết định của số 2553 Ngày 11 Tháng 9 năm 1981 của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Quốc gia Hà Nội .

**MAY CÁP GIẤY BỎ TRẬT OHO.**

Tên : THA THÂN MẾN Địa danh :

Tổng số : 657 phần của Chính - Tâm - Xã - G. Năm -

Chú  
C  
: 7 bài về ứng dụng biến đổi - tra tư pháp

Ngày bị bắt : 7. 5. 75. Ấn tại : TTCT  
 (Chức vụ của người bị bắt : Ủy viên Ban chấp hành xã hội  
 Thủ xã Tam Mỹ. và tất cả các vụ án về chế độ chính trị)

Các địa phương trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký này và hai tuần  
theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, thành và việc mở hội và các hội  
Quản lý khác.

(Thời gian đi đường: 01 Ngày, kể từ ngày khởi hành ra đi, trên và dưới  
đều đã ổn. Xe ng

Hiện tại Ngày 28 Tháng 11 Năm 1981

Đi tên và chữ ký  
Người được cấp giấy

**BAN GIÁM THỊ TRẠI**

Замна

Thị Xuân Mên'

4-10-1944

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số ~~200984112~~

Họ tên **HÀ THỦY THỦY**

Sinh ngày **03-2-1970**

Nguyên quán **Điện An, diện b  
ban, Qnam-Đnăg**

Nơi thường trú **An Mỹ, thị xã  
tam kỳ, Qnam-Đnăg**



Dân tộc: kinh Tôn giáo: không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm C, 3cm trên  
sau đuôi mắt trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 10/10 năm 1985

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

*[Signature]*  
Trần Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **200279139**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ HẢI**

Sinh ngày: **12-4-1949**

Nguyên quán: **Hòa cường,**

**Thành phố Đà Nẵng.**

Nơi thường trú: **65/7 Phan chu**

**trình, Thị xã T.kỳ, QN-ĐN**



Dân tộc: **Kinh.**

Tôn giáo: **Không.**



NGƯỜI TRỞ TRẠI



NGƯỜI TRỞ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 3cm  
trên, sau, cạnh mũi  
phải.

Ngày 09 tháng 01 năm 1979

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÒNG TRỊ AN TỶ

*Handwritten signature: Kias*

*Handwritten signature: Lê Văn Hân*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Y CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

ố: 200714410

ên **THÂN THỊ SẮC**

Sinh ngày 14-7-1921

Nguyên quán Điện An, Điện Bàn  
Quảng Nam-Đà Nẵng

Nơi thường trú Điện An, Điện  
Bàn, Quảng Nam-Đà Nẵng

Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT RI: **HOẶC DI HÌNH**

NGON TRO TRAI

Số tròn 0cm3 C.3cm  
tro sau mạp trái.

Ngày 27 tháng 12 năm 1979

NGON TRU TRAI

KI/GIAO QUOC HOAC TRUONG TY CONG AN  
DND TRUONG TY

*Nguyễn Rã*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 200240541

Họ tên **HÀ THÂN MẾN**



Sinh ngày 07-10-1944

Nguyên quán Điện an, Điện  
ban, Quang nam-Đa nẵng.

Nơi thường trú 679 Phan chu  
trình, Tamky, Q. nam-Đ. nẵng

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo cong 2cm, C2cm5  
dưới trước quôi mắt  
trái.

01 nđm 1983

KẾ HOẠCH ĐO CHỌN PHÒNG TỶ CÔNG AN



Trần Văn Bân

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

**BẢN SAO  
GIẤY KHAI SINH**

Số \_\_\_\_\_

Quyền số \_\_\_\_\_

[illegible]

|                                                                                               |                                                                            |                                                                      |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|
| Họ và tên                                                                                     | HÀ QUỐC DŨNG                                                               |                                                                      | Nam, nữ <u>Nam</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Ngày (15), tháng mười (10), năm một ngàn chín<br>trăm bảy mươi một (1971). |                                                                      |                    |
| Nơi sinh                                                                                      | Xã Tam Kỳ, Huyện Tam Kỳ<br>Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng                          |                                                                      |                    |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                                        | MẸ                                                                   |                    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | Hà Văn Miền<br>Sinh năm 1944                                               | Nguyễn Thị Hồi<br>Sinh năm 1949                                      |                    |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                          | Kinh<br>Việt Nam                                                           | Kinh<br>Việt Nam                                                     |                    |
| Nghề nghiệp<br>Nơi ĐKNK thường trú                                                            | Nông nhân<br>nhóm 2, khối phố 1, Tam Kỳ (nhóm 2, khối phố 1, Tam Kỳ)       | Công nhân<br>nhóm 2, khối phố 1, Tam Kỳ (nhóm 2, khối phố 1, Tam Kỳ) |                    |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Nguyễn Thị Hồi. Sinh năm 1942.<br>Trú tại: nhóm 2, khối phố 1, Xã Tam Kỳ.  |                                                                      |                    |

11. 45.22 - 1.40.00

Đang ký ngày --- tháng --- năm ---  
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND --- --- --- ký tên đóng dấu

Deanna

10/10/1949

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH QUẢNG-TĨNH

XÃ Tam Kỳ

SỐ BIỆU 1130

# Chứng-Thư Khai-Sinh

Tên họ đứa trẻ HÀ-MỸ-TRẦN trai hay gái gái  
Sinh ngày 21 (02) tháng 10 (10)  
năm một ngàn chín trăm bảy mươi hồi Năm gió  
Tại Xã Tam Kỳ Quận Tam Kỳ Tỉnh Quảng-Tĩnh  
Họ và tên cha đứa trẻ HÀ-THÂN-TRẦN tuổi 1944 nghề Công-chức  
Trú quán tại Ấp Hòa-An, xã Tam Kỳ, quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng-Tĩnh  
Họ và tên mẹ đứa trẻ NGUYỄN-THỊ-CHÁI tuổi 1949 nghề Nội-trợ  
Trú quán tại Ấp Hòa-An, xã Tam Kỳ, quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng-Tĩnh  
chứng thư giá thú của cha mẹ đứa trẻ số 2  
Lập tại Tam Kỳ ngày 21 tháng 10 năm 1970  
Họ và tên cha đứa trẻ HÀ-THÂN-TRẦN khai nhận  
đứa trẻ này là con tự sinh.

## NGƯỜI KHAI:

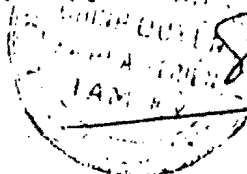
Họ và tên HÀ-THÂN-TRẦN tuổi 1944 nghề Công-chức  
Trú quán tại Ấp Hòa-An, xã Tam Kỳ, quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng-Tĩnh

## CÁC NHÂN CHỨNG:

1— Họ và tên Trần Sinh Sơ tuổi 347 nghề ngày 4-10-74  
Trú quán tại Cửa Chi Y-tế Tam Kỳ cấp.  
2— Họ và tên \_\_\_\_\_ tuổi \_\_\_\_\_ nghề \_\_\_\_\_  
Trú quán tại \_\_\_\_\_

Lập tại Tam Kỳ ngày 21 tháng 10 năm 1970  
Người khai, Hồ lại, Nhân chứng,

(Ký tên HÀ-THÂN-TRẦN) **CHUNG TRÍCH-LỤC** trình-sinh số 347 cấp ngày  
21 tháng 10 năm 1974 10-74 của Chi-Y-tế Tam Kỳ  
VIỆN HỘ TỊCH XÃ PHÁT-TRIỂN TAM-KỲ



PHAN-NGỌC-CHẤN

MAU .11T2/P3

Thành phố, tỉnh: Quảng Đông

so 444

Quyển số... 2

[illegible]

|                                                                                     |                                                                                                                                           |  |                            |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------|-----|
| Họ và tên                                                                           | Hà quốc Cường                                                                                                                             |  | Nam, Nữ                    | Nam |
| Sinh ngày tháng, năm                                                                | Ngày Mười bảy tháng Bảy năm 1983<br>17 7 1983                                                                                             |  |                            |     |
| Nơi sinh                                                                            | Xã Hòa Phú I Thị xã Tam Kỳ, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng                                                                          |  |                            |     |
| Khai về cha, mẹ                                                                     | C H A                                                                                                                                     |  | M E                        |     |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                          | Hà Thôn Mến<br>39 tuổi                                                                                                                    |  | Nguyễn Thị Hải<br>36 tuổi  |     |
| Dân tộc                                                                             | Kinh                                                                                                                                      |  | Kinh                       |     |
| Quốc tịch                                                                           | Việt Nam                                                                                                                                  |  | Việt Nam                   |     |
| Nghề nghiệp                                                                         | Kỹ thuật viên phân tích nước                                                                                                              |  | Bếp bán                    |     |
| Nơi ĐKKK thường trú                                                                 | Xã Hòa Phú I Thị xã Tam Kỳ                                                                                                                |  | Xã Hòa Phú I Thị xã Tam Kỳ |     |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai | Hà Thôn Mến, 39 tuổi, Xã Hòa Phú I Thị xã Tam Kỳ, huyện Tam Kỳ, Quảng Nam.<br>Giấy CMND số 20284541 cấp ngày 11-1-1983 tại Ủy ban An ninh |  |                            |     |

Đăng ký ngày 15 tháng 8 năm 1983

TM/UBND Thị xã Tam Kỳ..... ký tên, đóng dấu

Tên họ, tên chữ và)



ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, Thị trấn Phước An Mỹ  
Thị xã, Huyện Tam Kỳ  
Thành phố, Tỉnh ĐN. TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2/P2  
Số: 255  
Quê số: 51

## GIẤY KHAI SINH

|                                                                                                                 |                                                                                                                              |                                                                           |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                                       | <u>HÀ YẾN NHÌ</u>                                                                                                            |                                                                           | Nam, nữ <u>Nữ</u> |
| Sinh ngày, tháng năm                                                                                            | <u>Mười bốn tháng mười năm Một ngàn chín trăm tám mươi lăm</u>                                                               |                                                                           |                   |
| Nơi sinh                                                                                                        | <u>Phước An Mỹ Thị xã Tam Kỳ</u><br><u>linh Quảng Nam Đà Nẵng</u>                                                            |                                                                           |                   |
| Khai về cha, mẹ                                                                                                 | CHA                                                                                                                          | MẸ                                                                        |                   |
| Họ, tên, tuổi, (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                                                     | <u>Hà Thân Mẫn</u><br><u>41 tuổi</u>                                                                                         | <u>Nguyễn Thị Hảo</u><br><u>38 tuổi</u>                                   |                   |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                                            | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                                                                                               | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                                            |                   |
| Nghề nghiệp, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú                                                                   | <u>Xã viên HTX TCN</u><br><u>Tổ 6 Phước An Mỹ</u><br><u>Thị xã Tam Kỳ</u>                                                    | <u>Xã viên HTX TCN</u><br><u>Tổ 6 Phước An Mỹ</u><br><u>Thị xã Tam Kỳ</u> |                   |
| Họ tên, tuổi, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, số giấy chứng minh hoặc chứng nhận căn cước của người đăng khai | <u>Hà Thân Mẫn, 41 tuổi, Tổ 6 Dân</u><br><u>phố Phước An Mỹ, Thị xã Tam Kỳ</u><br><u>CMND số 202.810511 cấp ngày 11/1/83</u> |                                                                           |                   |

NGƯỜI KHAI

(Ký tên)

Lưu An

Hà Thân Mẫn

Đăng ký ngày 18 tháng 10 năm 1985

TM. UBND Phước An Mỹ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Nguyễn Văn...

Nguyễn Văn...

THÂN, NINH

ALOHA , OR 97006

Dien Thoai :

Dec. 12, 1988

Kính gửi :

HỘI GIA-ĐÌNH TU-NHAN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM  
P.O.BOX 5435  
ARLINGTON, VA. 22205-0635

Kính thưa Bà Chủ-Tịch :

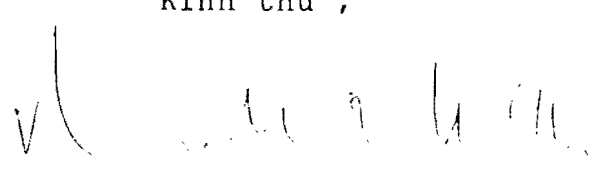
Tôi, vừa nhận được thư, questionnaires và hồ-sở hồ-tích của một số bạn, từ có tên dưới đây :

- NGUYEN, XUAN BAO      Cựu Trung-Tà      SQ.45/201.561  
- TRAN, TRONG MUU      Cựu Thiệu-Tà      SQ.53/212.642  
- HA, THAN MEN      Cựu Thiệu-Uy      Cảnh-Sát Quốc-Gia  
từ quê nhà gửi qua, yêu-cầu tôi chuyển-tiếp đến Văn-Phòng O.D.P.Thailand , đồng sao, gửi đến Quý Hội 02 bạn để nhờ can-thiệp cho các duồng-sự sớm được cấp Thủ Giới Thiệu ( Letter Of Introduction ) .

Nay tôi, xin, gửi đến Quý Hội để nhờ giúp-dò và rất mong đón nhận kết-quả can-thiệp .

Trân/trong kính chào và xin chân-thành cảm ơn Bà Chủ-Tịch trước ./.

Kính thủ ,



THÂN, NINH

THÂN, NINH

ALOHA , OR 97006

Dien Thoai :

Dec. 12, 1988

Kính gửi :

HỘI GIA-ĐÌNH TU-NHAN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM  
P.O.BOX 5435  
ARLINGTON, VA. 22205-0635

Kính thưa Bà Chủ-Tịch :

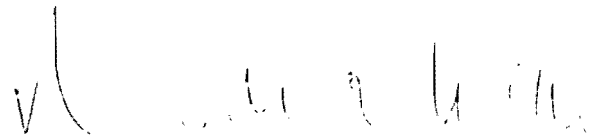
Tôi, vừa nhận được thủ, questionnaires và hồ-sở hồ-tích của một số bạn, từ cơ tên dưới đây :

- NGUYEN, XUAN BAO      Cựu Trung-Tà      SQ.45/201.561  
- TRAN, TRONG MUU      Cựu Thiệu-Tà      SQ.53/212.642  
- HA, THAN MEN      Cựu Thiệu-Uy      Cảnh-Sát Quốc-Gia  
từ quê nhà gửi qua, yêu-cầu tôi chuyển-tiếp đến Văn-Phòng O.D.P.Thailand , đồng sao, gửi đến Quý Hội 02 bạn để nhờ can-thiệp cho các duồng-sự sớm được cấp Thủ Giới Thiệu ( Letter Of Introduction ) .

Nay tôi, xin, gửi đến Quý Hội để nhờ giúp-dò và rất mong đón nhận kết-quả can-thiệp .

Trân/trong kính chào và xin chân-thành cảm ơn Bà Chủ-Tịch trước ./.

Kính thủ ,



THÂN, NINH

02/02/89

CONTROL

~~\_\_\_\_\_~~ Card  
~~\_\_\_\_\_~~ ~~X~~ Doc. Request; Form  
~~\_\_\_\_\_~~ Release Order  
~~\_\_\_\_\_~~ Computer  
~~\_\_\_\_\_~~ Form "D"  
~~\_\_\_\_\_~~ ODP/Date  
~~\_\_\_\_\_~~ Membership; Letter

~~4/24/89 form~~